

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 18-02-2019

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Lý.
2. Bà Phùng Thị Bích Thủy.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 18 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 174/2018/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị H, sinh năm 1976; Địa chỉ: Ấp C, xã TP, huyện TH, tỉnh Long An. (Có mặt tại phiên tòa).

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Văn T, sinh năm 1976; Địa chỉ: Ấp C, xã TP, huyện TH, tỉnh Long An. (Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do đã được triệu tập hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Dương Thị H yêu cầu khởi kiện: Bà H và ông Phạm Văn T chung sống năm 2006, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện TH, tỉnh Long An. Quá trình chung sống vợ chồng bà H hạnh phúc khoảng 03 năm đầu, tuy nhiên về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do ông T sinh tật cờ bạc, nhậu nhẹt, đánh đập bạo hành gia đình, bỏ bê vợ con không quan tâm, chăm sóc vợ con dó đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và thường xuyên cãi vã nhau. Ông T tự ý bỏ nhà đi về bên gia đình ruột ông T để sống, nên từ đó đến nay, hai vợ chồng mạnh ai nấy sống, bà H phải

một mình tự lo kiếm tiền nuôi con. Bà H và ông T đã sống ly thân được gần 09 năm đến nay không hàn gắn lại được.

Nay bà H nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn, bà H không còn tình cảm vợ chồng với ông T nên yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Bà H yêu cầu ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà H và ông T có 01 con chung tên Phạm Ngọc Th, sinh ngày 11/5/2009; giới tính: Nam. Con chung hiện đang sống với bà H. Khi ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về sản chung, nợ chung: Bà H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Văn T mặc dù vắng mặt tại phiên tòa, nhưng qua Bản tự khai và Biên bản hòa giải ngày 27/12/2018 có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà H như sau: Về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn, con chung, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian ly thân đúng như lời bà H đã trình bày. Ông T nhận thấy ông vẫn còn thương bà H nên muốn hàn gắn để cùng nhau chăm sóc nuôi dạy con, tuy nhiên ông sẽ ở riêng chứ không ở chung nhà với bà H. Ông T và bà H đã sống ly thân được hơn 08 năm. Nay bà H yêu cầu ly hôn, ông T có các ý kiến sau:

- Về hôn nhân: Ông T không đồng ý ly hôn với bà H.

Nếu Tòa án có căn cứ giải quyết cho ly hôn:

- Về con chung: Ông T và bà H có 01 con chung tên Phạm Ngọc Th, sinh ngày 11/5/2009; giới tính: Nam. Hiện tại con chung đang sống với bà H. Khi ly hôn, ông T đồng ý giao cho bà H nuôi dưỡng con chung, ông T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về sản chung, nợ chung: Ông T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

Chứng cứ do bà Dương Thị H cung cấp:

- 01 Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn giữa bà Dương Thị H và ông Phạm Văn T (bản sao).

- 01 Giấy khai sinh của con Phạm Ngọc Th (bản sao).

- Bản ghi nguyện vọng của con Phạm Ngọc Th.

Chứng cứ do ông Phạm Văn T cung cấp: Bản tự khai ngày 27/12/2018.

Các tình tiết vụ án:

- Về hôn nhân: Bà Dương Thị H và ông Phạm Văn T chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện TH theo quy định của pháp luật.

- Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến bà H yêu cầu ly hôn ông T theo bà H là do ông T không làm tròn trách nhiệm của người chồng, người cha, không chăm lo làm ăn, ăn chơi, bỏ mặc gia đình, vợ con không quan tâm, bạo hành gia đình xúc phạm đánh đập bà H. Ông T thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn.

- Về thời gian ly thân: Bà Dương Thị H và ông Phạm Văn T đã ly thân nhau từ năm 2010 đến nay không hàn gắn lại được.

- Về con chung: Bà Dương Thị H yêu cầu được nuôi con chung tên Phạm Ngọc T, sinh ngày 11/5/2009; giới tính: Nam. Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu Tòa án có căn cứ giải quyết cho ly hôn ông T đồng ý giao con chung cho bà H nuôi, ông T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà Dương Thị H và ông Phạm Văn T cùng thống nhất xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để bà H và ông T đoàn tụ nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về hôn nhân*: Bà Dương Thị H và ông Phạm Văn T chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện TH, tỉnh Long An, nên hôn nhân là hợp pháp theo quy định tại Khoản 5 Điều 3, Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết*: Bị đơn ông T cư trú tại xã TP, huyện TH và hiện đang có mặt tại địa phương, nên bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn ông T, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa theo quy định Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về việc xét xử vắng mặt đối với Phạm Văn T*: Ông T đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không vì sự kiện bất khả kháng nên Tòa án áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Thảo.

[4] *Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị H*:

[4.1] *Về tình tiết mâu thuẫn dẫn đến ly hôn*: Nguyên nhân dẫn đến bà H và ông T sống không hạnh phúc theo bà H là do ông T không lo làm ăn, suốt ngày ăn chơi cờ bạc, về nhà kể chuyện bạo hành gia đình đánh đập vợ con, bỏ mặc vợ con không quan tâm. Bà H và ông T đã ly thân nhau đã 09 năm nay không hàn gắn lại được. Bà H xác định bà H không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu ly hôn với ông T. Qua lời khai của bà H, kết hợp với lời khai của con chung của bà H và ông T là Phạm Ngọc Th xác định được mâu thuẫn giữa bà H và ông T là do ông Thảo suốt ngày cờ bạc, nhậu nhẹt bê tha, không lo làm ăn, có hành vi bạo hành gia đình, đánh đập vợ con, bỏ mặc vợ con không quan tâm,

ông T không làm tròn trách nhiệm của người chồng người cha nên từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và thường xuyên cãi vã nhau, ông T bỏ mặc bà H và con để về bên ruột sống tự năm 2010 đến nay không tới lui thăm nom chăm sóc. Ông T cũng thừa nhận mâu thuẫn giữa vợ chồng giữa ông và bà H đúng như lời bà H đã trình bày.

Hội đồng xét xử thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hàn gắn tình cảm giữa bà H và ông T nhưng không thành nên đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định. Ông T thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng như bà H trình bày là đúng. Mặc dù, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ly thân nhau đã gần 09 năm, nhưng ông T vẫn còn muốn hàn gắn với bà H để cùng nhau nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, ông T có ý kiến là khi ông và bà H đoàn tụ thì ông sẽ sống riêng chứ không sống chung nhà với bà H. Qua đó cho thấy rằng ông T không đưa ra giải pháp để hàn gắn tình cảm của vợ chồng, ông T vắng mặt không tham gia tố tụng tại Tòa án, điều này cho thấy ông T bỏ mặc không quan tâm đến hạnh phúc giữa ông và bà H và cũng không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Như vậy, lời trình bày của bà H về tình trạng mâu thuẫn giữa bà H với ông T là đúng và không phải chứng minh theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định hôn nhân giữa bà H với ông T lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần giải quyết cho ly hôn theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn Nhân và Gia đình.

[4.2] *Về con chung*: Quá trình chung sống bà Dương Thị H và Phạm Văn T có 01 con chung tên Phạm Ngọc Th, sinh ngày 11/5/2009; giới tính: Nam. Từ khi ly thân đến nay, con chung do bà H nuôi dưỡng, ông T bỏ mặc mẹ con bà không quan tâm và cũng không thăm con. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Thấy rằng, qua lời khai thể hiện nguyện vọng của con chung của bà H và ông T là cháu Phạm Ngọc Th thể hiện: Từ khi bà H và ông T ly thân đến nay chỉ do một mình bà H chăm sóc nuôi dưỡng, ông T bỏ mặc không quan tâm chăm sóc, Mặt khác, cháu Th cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Quá trình bà H nuôi dưỡng cháu Th phát triển tốt, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt, do đó để cháu Th phát triển ổn định và đảm bảo quyền lợi thì việc quyết định tiếp tục giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý, phù hợp với nguyện vọng và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu. Đối với ông T có ý kiến nếu Tòa án có căn cứ cho ly hôn thì ông T đồng ý giao con chung cho bà H nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng con chung của bà H, bà H được quyền nuôi dưỡng con chung tên Phạm Ngọc Th. Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà H và ông T thống nhất xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Theo quy định của Luật phí, lệ phí và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước.

[6] Quyền kháng cáo: Bà H và ông T có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 55, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 20 Luật phí, lệ phí; điểm a Khoản 5, điểm b Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị H đối với ông Phạm Văn T.

- Về hôn nhân: Bà Dương Thị H được ly hôn với ông Phạm Văn T.

- Về con chung: Bà Dương Thị H được trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Ngọc Th, sinh ngày 11/5/2009; Giới tính: Nam. Ông Phạm Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con vì bà Hằng không yêu cầu.

Cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Dương Thị H và ông Phạm Văn T thống nhất không có và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Dương Thị H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Chuyển 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà H đã nộp theo biên lai thu số 0004365 ngày 10/12/2018 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa sang án phí để thi hành (bà H đã nộp đủ án phí).

3. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, bà Dương Thị H có mặt có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

4. Công tác thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thạnh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Hóa;
- UBND xã TP, huyện. TH;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đã ký

Phan Đình Ngân

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Lý - Phùng Thị Bích Thủy

Phan Đình Ngân

